TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P1c**

Bản án số: 07/2022/DS-ST
Ngày: 15-02-2022
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BĐ, TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tuấn Khanh.

2. Ông Lê Văn Đạo.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Đinh Quốc Hiếu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BĐ tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BĐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 134/2021/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 12 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Nguyễn Thị N, sinh năm 1949 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp P1 Mỹ, xã PT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Bà N ủy quyền hoàn toàn cho bà Đoàn Thị Hồng Vân, sinh năm 1999, địa chỉ: Ấp P1 Mỹ, xã PT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng theo giấy ủy quyền ngày 06/5/2021 (Có mặt).

*** Bị đơn:** Bùi Thị P, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P1 Mỹ, xã PT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

*** <u>Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan</u>.**

Trần Bình P1, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P1 Mỹ, xã PT, huyện BĐ, tỉnh Bến Tre.

Anh P1 có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 09 tháng 12 năm 2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 3 năm 2021, đơn thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện ngày 19/5/2021, những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, người được nguyên đơn Nguyễn Thị N ủy quyền, bà Đoàn Thị Hồng Vân trình bày:

Trong năm 2018, bà Bùi Thị P có 06 lần vay tiền của bà Nguyễn Thị N, Cụ thể các lần vay như sau:

Ngày 02/4/2018 (al), bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ngày 30/5/2018 (al), bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Ngày 04/6/2018 (al), bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 09/6/2018 (al), bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N 25.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 20/7/2018 (al), bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng).

Ngày 22/7/2018 (al), bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền bà Bùi Thị P vay của bà Nguyễn Thị N là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Sau đó, bà Bùi Thị P trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), số tiền bà P còn thiếu lại là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Khi bà Nguyễn Thị N cho bà Bùi Thị P vay tiền hay bên thỏa thuận lãi suất 0%, đồng thời không thỏa thuận thời hạn trả nợ cụ thể, chỉ thỏa thuận khi nào bên bà Nguyễn Thị N đòi thì bên bà Bùi Thị P sẽ trả. Tháng 7/2018 (al), bên bà Nguyễn Thị N đến gặp bà Bùi Thị P nhiều lần để đòi lại số tiền vay, tuy nhiên bà P hẹn mà không trả.

Tổng cộng số tiền bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Bùi Thị P hoàn trả là: Vốn 165.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 7/2018 (al) đến tháng 01/2021 (al), lãi suất là 1,75%/tháng (30 tháng) với số tiền lãi là 86.625.000 đồng. Tổng cộng số tiền vốn

và lãi mà bên bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Bùi Thị P và anh Trần Bình P1 phải liên đới hoàn trả là 251.625.000 đồng (Hai trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

(Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiên: Không có)

Riêng số tiền hụi 21.300.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng), bên bà Bùi Thị P đã trả xong, bên bà Nguyễn Thị N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi.

Bà Nguyễn Thị N thống nhất hoàn toàn với lời trình bày của bà Đoàn Thị Hồng Vân, không bổ sung ý kiến gì thêm.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng bà Bùi Thị P từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm của bà Bùi Thị P trong vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi" giữa bà Nguyễn Thị N với bà Bùi Thị P.

Tại bản tự khai và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 09/12/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Bình P1 trình bày:

Anh Trần Bình P1 không có vay tiền, không có nợ của ai, anh P1 không có liên quan gì đến việc vay, mượn tiền của bà Nguyễn Thị N với bà Bùi Thị P, do đó, anh P1 từ chối tham gia tố tụng, đồng thời cũng không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ gì.

* Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng.

Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Bùi Thị P không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Bùi Thị P và anh Trần Bình P1 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" với số tiền là 251.625.000 đồng (Hai trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn

đồng). Riêng số tiền hụi 21.300.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng), bên bà Nguyễn Thị N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Bùi Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, tuy nhiên bà P vắng mặt lần thứ hai không có lý do, do đó xét xử vắng mặt bà P là phù hợp với Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của các bên đương sự và đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về nội dung vụ án:

Hội đồng xét xử xét thấy từ ngày 02/4/2018 (al) đến ngày 22/7/2018 (al), theo lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị N thì bà Bùi Thị P có vay của bà N tổng cộng 06 lần, với tổng số tiền là 175.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng). Sau đó, bà Bùi Thị P hoàn trả 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), số tiền còn thiếu lại là 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Hai bên thỏa thuận, lãi suất 0%, đồng thời không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ thỏa thuận khi nào bà Nguyễn Thị N cần đòi thì bà Bùi Thị P sẽ trả lại. Tháng 7/2018 (al), bên bà Nguyễn Thị N gặp bà P nhiều lần để đòi tiền, tuy nhiên bà P hẹn mà không trả. Tại phiên tòa sơ thẩm, bên nguyên đơn Nguyễn Thị N yêu cầu bà Bùi Thị P và anh Trần Bình P1 phải liên đới hoàn trả cho bà N số tiền vay là 251.625.000 đồng (Hai trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Trong đó vốn là 165.000.000 đồng, tiền lãi là 86.625.000 đồng. Riêng số tiền hụi 21.300.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng), bên bà Nguyễn Thị N rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện bởi vì bên bà Bùi Thị P đã trả xong tiền hụi.

Hội đồng xét xử xét thấy: Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án triệu hợp lệ bà Bùi Thị P, tuy nhiên bà P từ chối tham gia tố tụng, không đến Tòa, không cung cấp lời khai hay chứng cứ gì liên quan đến vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" giữa bà Nguyễn Thị N với bà Bùi Thị P. Tại yêu cầu giao nộp chứng cứ số 43/2021/YCGNTLCC ngày 31/5/2021 của Tòa án nhân dân huyện BĐ về việc yêu cầu nguyên đơn Nguyễn Thị N cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà Bùi Thị P có vay của bà N số tiền 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng), tuy nhiên bên nguyên đơn Nguyễn Thị N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ,

đồng thời tại phiên tòa sơ thẩm cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà Bùi Thị P có vay của bà Nguyễn Thị N 165.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng). Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Đối với số tiền hụi 21.300.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng) bên nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày bà P đã trả xong, đồng thời rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền hụi là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với quan điểm phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn án phí toàn bộ

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 463 Bộ luật dân sự năm 2005; Các điều 91, 244, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Bùi Thị P và anh Trần Bình P1 về việc bà Nguyễn Thị N yêu cầu bà Bùi Thị P và anh Trần Bình P1 phải liên đới hoàn trả cho bà N số tiền vay là 251.625.000 đồng (Hai trăm năm mươi mốt triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N đối với bà Bùi Thị P và anh Trần Bình P1 về việc yêu cầu hoàn trả số tiền hụi 21.300.000 đồng (Hai mươi mốt triệu ba trăm nghìn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Thị N thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí.

Nguyên đơn Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng bị đơn Bùi Thị P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Bình P1 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (Phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi